

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC N
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 20 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Th ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2018 và Ngày 20/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2017/HSST Ngày 13/4/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST- HS Ngày 03/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Phạm Văn H, sinh năm 1980; Nơi sinh, nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Ng; Có vợ L Dương Thị Ph; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ-ợc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Nguyễn Trọng H, sinh năm 1983; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Trọng C và bà Tạ Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Th; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Tiền sự: không. Tiền án: Tại bản án số 40/2016/HSST Ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Nguyễn Trọng H 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách L 12 tháng kể từ Ngày tuyên án sơ thẩm 14/7/2016. Ngày 03/11/2016, H chấp hành xong tiền án phí và tiền phạt bổ sung nêu trên; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ-ợc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Nguyễn Hữu N, sinh năm 1978; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn V, xã K, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lm ruộng; Văn hoá: 8/12; Dân tộc: kinh;

G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N; Vợ Lưu Thị D; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ- ọc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Nguyễn Văn C, sinh năm 1977; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; Nghề ngH: Lm ruộng; Văn hoá: 02/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Th; Phạm Thị V; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ- ọc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo Nguyễn Trọng A, sinh năm 1983; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; Nghề ngH: Lm ruộng; Văn hoá: 5/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Trọng G và bà Nguyễn Thị Đ; Vợ Dương Thị H; 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ- ọc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; Nghề ngH: Lm ruộng; Văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Nguyễn Trọng C và bà Phạm Thị Nh; Vợ Nguyễn Thị H; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự không; Tiền án: Tại Bản án số 40/2016/HSST Ngy 14/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Nguyễn Trọng H 06 tháng tù. Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bổ sung 4.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí HSST. Ngy 21/4/2017, H chấp hành xong hình phạt tù. Ngy 04/12/2017, H chấp hành xong tiền án phí và tiền phạt bổ sung nêu trên. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ- ọc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Bị cáo Đào Hồng K, sinh năm 1975; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn Hạ, xã K, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; Nghề ngH: Lm ruộng; Văn hoá: 3/12; Dân tộc: kinh; G tính: N; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Đào Hồng C và bà Trần Thị B; Vợ Lưu Thị L; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền sự không; Tiền án: Tiền án: Tại Bản án số 40/2016/HSST Ngy 14/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện L xử phạt Đào Hồng K 04 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách L 12 tháng kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm 14/7/2016. Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bổ sung 3.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí HSST. Ngy 03/11/2016, K chấp hành xong tiền án phí và tiền phạt bổ sung nêu trên; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017 đ- ọc thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Hiện bị cáo đang tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút Ngý 05/12/2017, Phạm Văn H đang ngồi uống nước tại nhà thì có Lê Văn Sơn đến chơi, được khoảng 05 phút thì có Nguyễn Trọng H, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu N đến, một lúc sau thì có Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn D và Nguyễn Trọng A đến. Mọi người ngồi nói chuyện đến khoảng hơn 21 giờ cùng Ngý thì H, H, C, N, A cùng rủ nhau vào phòng ngủ thứ hai từ ngoài cửa vào của gia đình H để đA bạc, còn Linh, D thì nằm ngủ ở cạnh đó, Sơn sang ngủ ở phòng bên cạnh. Khi H, H, C, N, A vào phòng ngủ đA bạc thì tám thăm nỉ đã được trải sẵn từ trước, H dùng chiếc kéo có sẵn ở trong phòng cắt 04 quân bài vị hình tròn, một mặt màu đỏ hình trái tim, một mặt màu xanh rồi lấy 01 bát sứ và 01 đĩa sứ của gia đình có sẵn ở trong phòng để Lm dụng cụ đA bạc. Sau khi chuẩn bị xong công cụ đA bạc thì các đối tượng bắt đầu tham gia đA bạc sát phạt nhau bằng tiền, các đối tượng thống nhất với nhau đA bạc dưới hình thức đA xóc đĩa, tức L: Người xóc cái cho 04 quân bài vị vào trong đĩa, úp bát lại xóc đều rồi đặt xuống thăm nỉ, sau đó những người tham gia đA bạc khác bắt đầu đặt tiền ở cửa chắn hoặc cửa lẻ tùy thích, theo quy ước thì phía bên tay phải người xóc cái L cửa chắn, phía bên tay trái người xóc cái L cửa lẻ, mỗi ván người chơi đặt tiền mức thấp nhất L 50.000 đồng, Co hơn thì không hạn chế và tùy xem người xóc cái có nhận hay không. Sau khi những người chơi đặt tiền xong thì người xóc cái bắt đầu mở bát để tính thắng thua, nếu có 01 hoặc 03 quân vị có cùng màu thì được gọi L lẻ, còn nếu có 02 hoặc 04 quân vị có cùng màu thì được gọi L chắn. Trong ván, nếu người chơi đặt tiền ở cửa trùng với cửa có các quân vị có các màu như đã nêu ở trên khi mở bát thì sẽ thắng ván bạc đó. Người xóc cái hoặc trường hợp có ai mua bán ván bạc đó sẽ lấy về hết số tiền ở cửa thua rồi sẽ trả bằng số tiền mà người chơi đã đặt ở cửa thắng. Nếu thừa thì người xóc cái hoặc người mua bán ván bạc đó sẽ cầm số tiền thừa đó về còn nếu thiếu thì sẽ phải bù ra để trả cho người thắng, sau đó người xóc cái lại úp bát lên đĩa và xóc ván mới tiếp theo. Các đối tượng đA bạc đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng Ngý thì có Nguyễn Trọng H và Đào Hồng K đến cùng tham gia đA bạc.

Quá trình đA bạc thì H L người xóc cái đầu tiên, H xóc cái được một lúc thì A thay H xóc cái, A xóc cái được 03 đến 04 ván bạc thì K thay A xóc cái. Đến khoảng 22 giờ cùng Ngý, khi K đang xóc cái thì mọi người cùng thống nhất thay quân vị, lúc này N lại lấy 01 chiếc kéo ở góc cA cửa phòng ngủ và cắt từ quân bài tú lơ khơ có sẵn trong phòng thành 04 quân bài vị có một mặt màu đỏ hình trái tim, một mặt màu xanh rồi mọi người lại tiếp tục đA bạc. Với cách thức đA bạc như trên, H, H, H, K, A, C, N đA bạc sát phạt nhau đến 22 giờ 50 phút cùng Ngý thì bị tổ công tác Công an huyện L phối hợp với Công an xã K bắt quả tang cùng tang vật như đã nêu ở trên. Quá trình bị bắt quả tang Nguyễn Trọng H đã bỏ chạy vào trong nhà tắm ở trong phòng ngủ nơi các đối tượng đA bạc rồi rút số tiền 800.000 đồng vào trong quần áo, rút số tiền 38.000.000 đồng xuống nền nhà vệ sinh.

Các đối tượng khai nhận số tiền sử dụng vào mục đích đA bạc như sau: Phạm Văn H khi tham gia đA bạc có khoảng 20.000.000 đồng, H bỏ ra 3.500.000 đồng sử dụng để đA bạc, còn số tiền 16.500.000 đồng H vẫn để trên người và không sử dụng vào mục đích đA bạc; Nguyễn Trọng H khi tham gia đA bạc có 40.200.000

đồng và bỏ ra 2.200.000 đồng để mua bạc, còn lại số tiền 38.000.000 đồng H cất ở túi áo ngực đang mặc và không sử dụng số tiền này vào mục đích mua bạc. Khi bị bắt quả tang H cầm số tiền 800.000 đồng đang sử dụng mua bạc vứt vào trong bồn cầu vệ sinh, còn số tiền 38.000.000 vứt xuống nền nhà tắm trong phòng ngủ nơi các đối tượng mua bạc và bị thu giữ; Nguyễn Hữu N khi tham gia mua bạc có 2.050.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bạc, số tiền 1.050.000 thu trên người L tiền N sử dụng vào mục đích mua bạc đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt quả tang; Nguyễn Văn C khi tham gia mua bạc có 270.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bạc. Nguyễn Trọng H khi tham gia mua bạc có 150.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bạc; Nguyễn Trọng A khi tham gia mua bạc có 445.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bạc; Đào Hồng K khi tham gia mua bạc có 780.000 đồng sử dụng vào mục đích mua bạc.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra cho Nguyễn Trọng H diễn tả lại hành vi H ngồi mua bạc, khi bị bắt quả tang H chạy vào trong nhà tắm trong phòng ngủ nơi các đối tượng mua bạc rồi vứt khoảng 38.000.000 đồng xuống nền nhà tắm và vứt 800.000 đồng vào trong bồn cầu vệ sinh. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của H và các đối tượng khác.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích mua bạc là 13.830.000 đồng. Trong đó số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 11.700.000 đồng, thu trong bồn cầu số tiền của H là 800.000 đồng, thu giữ trên người các đối tượng mua bạc là 1.330.000 đồng.

Bản cáo trạng số 22/KSĐT Ngy 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Phạm Văn H cùng đồng bọn về tội “Mua bạc” theo khoản 1 Điều 248 B luật hình sự 1999.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện L thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng H, Đào Hồng K, Nguyễn Trọng A, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hữu N phạm tội “Mua bạc”.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33; Điều 53 B luật hình sự 1999, xử phạt: Phạm Văn H từ 12 - 15 tháng tù. Xử phạt Nguyễn Hữu N từ 05 - 07 tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nh-ng đ-ợc trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung bị cáo H: 5.000.000đ, bị cáo N 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật hình sự 1999, xử phạt: Nguyễn Trọng H từ 05 - 07 tháng tù về tội mua bạc. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nh-ng đ-ợc trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật hình sự 1999, xử phạt: Đào Hồng K từ 04 - 05 tháng tù về tội mua bạc Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi

hành án, nh-ng đ-ợc trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p, q, s khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Trọng H từ 04 - 05 tháng tù về tội ĐA bạc. Thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nh-ng đ-ợc trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 B luật hình sự 1999, xử phạt: Nguyễn Trọng A từ 05 – 07 tháng tù về tội ĐA bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 14 tháng tính từ Ngự tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 B luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn C từ 04 - 05 tháng tù về tội ĐA bạc, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng tính từ Ngự tuyên án sơ thẩm

Giao các bị cáo Nguyễn Trọng A, Nguyễn Văn C cho UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 B luật hình sự năm 1999, Điều 106 B luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 13.830.000 đồng L số tiền các bị cáo dùng vào việc đA bạc; Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ nhỏ (loại bát ăn cơm), 01 đĩa sứ hình tròn, 04 quân bài vị hình tròn được cất từ quân bài tứ lơ khơ, một mặt hình quân bài một mặt hình trái tim màu đỏ (loại quân bài A trong B tứ lơ khơ); 01 tấm thảm nỉ loại trải ghế kích Thóc (1,65 x 0,52)m, 01 tấm nỉ hoa văn hình vuông kích Thóc (3x2)m, 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bọc nhựa màu xanh, có tổng chiều dài 23 cm, lưỡi kéo dài 12,5cm L công cụ các bị cáo sử dụng để đA bạc. Trả lại bị cáo Phạm Văn Hạnh số tiền 16.500.000 đồng nh-ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại Nguyễn Trọng Hậu số tiền 38.000.000 đồng nh-ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của B luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an huyện L cùng toàn B các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có Đ cơ sở kết luận:

Hồi 22 giờ 50 phút Ngđ 05/12/2017, Tổ công tác của Công an huyện L phát hiện bắt quả tang tại phòng ngủ của gia đình Phạm Văn H ở thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang 07 đối tượng đang đA bạc bằng hình thức đA xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Phạm Văn H; Nguyễn Trọng H, Nguyễn Hữu N; Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng A; Đào Hồng K. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đA bạc L 13.830.000 đồng; Hành vi của các bị cáo L nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ. Vì vậy hành vi của các bị cáo đã Đ yếu tố cấu thành tội “ĐA bạc” theo khoản 1 Điều 248 B luật hình sự 1999.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố và bản luận tội của đại D Viện kiểm sát tại phiên tòa L đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] ĐA giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà chỉ L đồng phạm giản đơn nên áp dụng Điều 20, Điều 53 B luật hình sự 1999 đối với các bị cáo.

ĐA giá vai trò của các bị cáo:

Bị cáo H để cho các bị cáo đA bạc tại nhà mình, tham gia đA bạc từ đầu và số tiền sử dụng vào mục đích đA bạc lớn nhất và chuẩn bị dụng cụ nên bị cáo giữ vai trò C trong vụ án.

Bị cáo H L người sóc cái đầu tiên, số tiền đA bạc lớn thứ hai; bị cáo N số tiền sử dụng vào mục đích đA bạc sau bị cáo H nhưng bị cáo L người cắt quân bài lần 2, bị cáo N tích cực chuẩn bị công cụ để cho các bị cáo đA bạc nên xác định vai trò của bị cáo H và bị cáo N ngang nhau và giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo C và bị cáo A cùng tham gia đA bạc từ đầu nhưng số tiền đA bạc ít hơn các bị cáo H, H, N nên đA giá hai bị cáo có vai trò ngang và giữ vai trò thứ 3 trong vụ án.

Bị cáo K, H vào tham gia đA bạc sau, số tiền sử dụng mục đích đA bạc ít nhất nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H, H, K đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 B luật hình sự 1999. Các bị cáo H, N, C, A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 B luật hình sự 1999. Bị cáo H, N, C, A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 B luật hình sự 1999.

Bị cáo Hiệp đã có công tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện, xử lý tội phạm nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 B luật hình sự 1999.

Bị cáo H có bố đẻ được Nhà nước tặng Thổng huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo N có bố đẻ được Tổng Cục H cần B tư lệnh 559 tặng Huy hiệu chiến thắng mùa xuân năm 1968, 1975 và được Nhà nước tặng Thổng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có mẹ đẻ được Nhà nước tặng Thổng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và được Nhà nước Lo tặng Thổng huân, huy chương vì đã có công giúp cách mạng Lo thời kỳ 1945-1975; bị cáo C được có mẹ đẻ được Nhà nước tặng Thổng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, có bố đẻ được tặng giấy khen trong đợt chiến đấu tháng 8/1969; bị cáo H có ông nội được Nhà nước tặng Thổng Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huy chương kháng chiến hạng Nhì, có bà ngoại được Nhà nước tặng Thổng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 B luật hình sự năm 1999.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo H, K, H tuy không phải vai trò C trong vụ án nhưng các bị cáo có 01 tiền án về tội ĐA bạc, lần phạm tội này L tái phạm nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy nhiên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta.

Đối với bị cáo H, tuy bị cáo giữ vai trò C trong vụ án nhưng bị cáo không tổ chức ĐA bạc, không phải L người chủ mưu cầm đầu và không thu tiền khi cho các bị cáo ĐA bạc tại nhà mình, bị cáo L lao động C trong gia đình. Các bị cáo H, bị cáo N, C, A bị xử phạt tù không quá 3 năm, đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 46 B luật hình sự 1999, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy các bị cáo H, N, C, A có khả năng tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các bị cáo hưởng án treo cũng Đ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, xét thấy cần thiết phạt tiền các bị cáo theo quy định khoản 3 Điều 248 B luật hình sự 1999.

[4] Về xử lý vật chứng: Vật chứng L công cụ, phương tiện phạm tội gồm 01 bát sứ nhỏ (loại bát ăn cơm), 01 đĩa sứ hình tròn, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt hình quân bài một mặt hình trái tim màu đỏ (loại quân bài A trong B tú lơ khơ); 01 tấm thảm nỉ loại trải ghế kích Thóc (1,65 x 0,52)m, 01 tấm nỉ hoa văn hình vuông kích Thóc (3x2)m, 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bọc nhựa màu xanh, có tổng chiều dài 23 cm, lưỡi kéo dài 12,5cm, cần tịch thu tiêu hủy các theo điểm a khoản 2 điều 106 B luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 13.830.000 đồng L số tiền các bị cáo dùng vào việc đA bạc theo điểm a khoản 2 Điều 106 B luật tố tụng hình sự.

Số tiền thu giữ các bị cáo, do không liên liên đến việc phạm tội cần trả lại bị cáo Phạm Văn Hạnh số tiền 16.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trọng Hậu số tiền 38.000.000đồng nh- ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về những vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn D và Lê Văn Sơn quá trình điều tra xác định Linh, D, Sơn không tham gia đA bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của B luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 Ngy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Trọng A, Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng H, Đào Hồng K, phạm tội “ĐA bạc”.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật hình sự 1999, xử phạt:

Nguyễn Trọng H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ Ngy bắt thi hành án, trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

Đào Hồng K 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ Ngy bắt thi hành án, trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm p, q khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 B luật hình sự 1999 xử phạt:

Nguyễn Trọng H 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, trừ đi số ngày đã tạm giữ (ngày 06/12/2017 đến ngày 15/12/2017). Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 248, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 B luật hình sự 1999, xử phạt:

Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung: 5.000.000đ.

Nguyễn Hữu N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

Nguyễn Trọng A 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

Nguyễn Văn C 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ Ngy tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung: 3.000.000đ.

Giao các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Trọng A, Nguyễn Văn C cho UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử

thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 B luật hình sự năm 1999, Điều 106 B luật tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 13.830.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ nhỏ (loại bát ăn cơm), 01 đĩa sứ hình tròn, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài tứ lơ khơ, một mặt hình quân bài một mặt hình trái tim màu đỏ (loại quân bài A trong B tứ lơ khơ); 01 tấm thảm nỉ loại trải ghế kích Thóc (1,65 x 0,52)m, 01 tấm nỉ hoa văn hình vuông kích Thóc (3x2)m, 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bọc nhựa màu xanh, có tổng chiều dài 23 cm, lưỡi kéo dài 12,5cm. Trả lại bị cáo Phạm Văn Hạnh số tiền 16.500.000 đồng; Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng Hậu số tiền 38.000.000 đồng nh-ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của B luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 Ngy 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngy kể từ Ngy tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã K;
- Bị cáo;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chung – Bùi Hà Bắc

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã K;
- Bị cáo;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ – Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Tam Dị, Kiến Xương;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Bảo Sơn;
- Bị cáo, bị hại.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh